

LỜI GIẢI CHI TIẾT

Read the following advertisement and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 6:

LEARN A NEW LANGUAGE WITH EASE

Are you ready to become fluent in another language? Our innovative language program makes it easy and fun! Choose from over 50 languages, and start learning (1) **through** interactive lessons that are designed to be engaging and effective. Whether you're a beginner or advanced learner, our courses are tailored to meet your needs. You'll (2) **memorize** vocabulary, grammar, and conversation skills through practical exercises and real-life scenarios. In no time, you'll be able to (3) **communicate** confidently with native speakers. Don't wait – (4) **begin** your language journey now and unlock a world of opportunities. Sign up today and (5) **take** your free trial. Learning a new language has never been (6) **easier**!

- Question 1: A. to **B. through** C. on D. by
Question 2: **A. memorize** B. forget C. recite D. skip
Question 3: A. manage **B. communicate** C. hear D. listen
Question 4: A. finish B. end **C. begin** D. pause
Question 5: A. watch **B. take** C. play D. buy
Question 6: **A. easier** B. easiest C. as easy D. easy

Đọc quảng cáo sau đây và đánh dấu chữ cái A, B, C hoặc D trên phiếu trả lời của bạn để chỉ ra phương án phù hợp nhất với mỗi chỗ trống được đánh số từ 1 đến 6:

HỌC MỘT NGÔN NGỮ MỚI DỄ DÀNG

Bạn đã sẵn sàng để trở nên thông thạo một ngôn ngữ khác chưa? Chương trình ngôn ngữ sáng tạo của chúng tôi giúp bạn thực hiện điều đó một cách dễ dàng và thú vị! Chọn từ hơn 50 ngôn ngữ và bắt đầu học (1) **thông qua** các bài học tương tác được thiết kế để hấp dẫn và hiệu quả. Cho dù bạn là người mới bắt đầu hay người học nâng cao, các khóa học của chúng tôi đều được thiết kế riêng để đáp ứng nhu cầu của bạn. Bạn sẽ (2) **ghi nhớ** từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng giao tiếp thông qua các bài tập thực hành và các tình huống thực tế. Chỉ trong thời gian ngắn, bạn sẽ có thể (3) **giao tiếp** tự tin với người bản ngữ. Đừng chần chừ nữa – (4) **bắt đầu** hành trình ngôn ngữ của bạn ngay bây giờ và mở ra một thế giới cơ hội. Đăng ký ngay hôm nay và (5) **dùng** bản dùng thử miễn phí của bạn. Học một ngôn ngữ mới chưa bao giờ (6) **dễ dàng hơn**!

- Câu hỏi 1 : A. đến **B. qua** C. trên D. bằng
Câu hỏi 2 : **A. ghi nhớ** B. quên C. đọc thuộc lòng D. bỏ qua
Câu hỏi 3 : A. quản lý **B. giao tiếp** C. nghe D. lắng nghe
Câu hỏi 4 : A. kết thúc B. kết thúc **C. bắt đầu** D. tạm dừng
Câu hỏi 5 : A. xem **B. lấy** C. chơi D. mua
Câu hỏi 6 : **A. dễ hơn** B. dễ nhất C. dễ như D. dễ

Read the following leaflet and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 7 to 12.

Healthy Eating for a Better You

Do you want to improve your eating habits and feel more energized throughout the day? Follow these practical tips for a healthier lifestyle.

Nutritional Insights: Many people are unaware that skipping meals can actually slow down your metabolism and (7) **reduce** your ability to burn calories. It's also important to consume a balanced diet with the right nutrients, as over 50% of adults fail to (8) **meet** the daily recommended amount of vegetables.

Healthy Habits to Start Today!

- Eat breakfast! A nutritious meal in the morning can help maintain steady energy (9) **through** the day.
- Choose whole grains! Swap refined carbs with whole grains like oats or brown rice to (10) **ensure** a more balanced diet.
- Stay hydrated! Drink water regularly to avoid dehydration, which can (11) **lower** your energy and focus.
- Avoid sugary snacks! Too much sugar can lead to a quick spike in energy, followed by a crash that leaves you feeling tired and (12) **sluggish**.

Question 7. A. enhance **B. reduce** C. strengthen D. affect

Question 8. A. reach B. limit **C. meet** D. exceed

Question 9. A. across B. after C. at **D. through**

Question 10. **A. ensure** B. change C. increase D. decrease

Question 11. A. increase **B. lower** C. boost D. monitor

Question 12. A. energized **B. sluggish** C. strong D. Energetic

Đọc tờ rơi sau và đánh dấu chữ cái A, B, C hoặc D trên phiếu trả lời của bạn để chỉ ra phương án phù hợp nhất với mỗi chỗ trống được đánh số từ 7 đến 12.

Ăn uống lành mạnh để bạn khỏe mạnh hơn

Bạn có muốn cải thiện thói quen ăn uống và cảm thấy tràn đầy năng lượng hơn trong suốt cả ngày không? Hãy làm theo những lời khuyên thiết thực sau để có lối sống lành mạnh hơn.

Thông tin dinh dưỡng: Nhiều người không biết rằng việc bỏ bữa thực sự có thể làm chậm quá trình trao đổi chất của bạn và (7) **làm giảm** khả năng đốt cháy calo của bạn. Điều quan trọng nữa là phải có chế độ ăn uống cân bằng với các chất dinh dưỡng phù hợp, vì hơn 50% người lớn không (8) **đáp ứng** lượng rau được khuyến nghị hàng ngày.

Những thói quen lành mạnh cần bắt đầu ngay hôm nay!

- Ăn sáng! Một bữa ăn bổ dưỡng vào buổi sáng có thể giúp duy trì năng lượng ổn định (9) **trong** cả ngày.
- Chọn ngũ cốc nguyên hạt! Thay thế carbohydrate tinh chế bằng ngũ cốc nguyên hạt như yến mạch hoặc gạo lứt để (10) **đảm bảo** chế độ ăn cân bằng hơn.
- Hãy giữ đủ nước! Uống nước thường xuyên để tránh mất nước, điều này có thể (11) **làm giảm** năng lượng và sự tập trung của bạn.
- Tránh đồ ăn vặt có đường! Quá nhiều đường có thể dẫn đến tăng đột biến năng lượng nhanh chóng, sau đó là giảm đột ngột khiến bạn cảm thấy mệt mỏi và (12) **chậm chạp**.

Câu hỏi 7. A. tăng cường **B. giảm** C. tăng cường D. ảnh hưởng

- Câu hỏi 8 .** A. đạt tới B. giới hạn **C. đáp ứng** D. vượt quá
- Câu hỏi 9 .** A. ngang qua B. sau C. tại **D. qua**
- Câu hỏi 10 .** **A. đảm bảo** B. thay đổi C. tăng D. giảm
- Câu hỏi 11 .** A. tăng **B. thấp hơn** C. tăng cường D. giám sát
- Câu hỏi 12 .** A. tràn đầy năng lượng **B. chậm chạp** C. mạnh mẽ D. năng động

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best arrangement of utterances or sentences to make a meaningful exchange or text in each of the following questions from 13 to 17.

- Question 13.** a. Tom: Hi, Linda! Long time no see. What have you been up to?
 b. Tom: Wow, that's awesome! Any big projects coming up?
 c. Linda: Hi, Tom! I've been working on a new app with my team at work.
 A. b-a-c **B. a-c-b** C. c-a-b D. a-b-c

- Question 14.** a. Mia: I'm really excited for the trip next month!
 b. Lisa: The food there is amazing! You'll love it.
 c. Lisa: Absolutely! What are you most looking forward to?
 d. Mia: I can't wait to see the beaches and try the local food.
 e. Mia: I'm sure I will. How about you?
 A. a-b-c-e-d B. a-c-d-b-e **C a-c-d-b-e** D. a-d-b-c-

- Question 15.** Hi Daniel,
 a. You really helped me focus on improving my writing skills.
 b. Thanks a lot for the tips you gave me during our last study session.
 c. It was challenging, but I feel much more confident now.
 d. I still need some practice, though, especially with grammar.
 e. Hope we can meet up again soon for another session!
 Best,
 Laura
 A. b-a-d-c-e B. b-c-a-d-e **C. b-a-c-d-e** D. a-b-c-

- Question 16.** a. I also enjoy the flexibility of working from anywhere.
 b. Over the past year, I've discovered that remote work suits me perfectly.
 c. It allows me to balance my personal life while staying productive at work.
 d. In addition, it's great for reducing my commuting time and expenses.
 e. Overall, I've found it to be a highly rewarding experience.
A. b-a-d-c-e B. a-b-c-d-e C. b-c-a-d-e D. b-a-

- Question 17.** a. Although the population has increased, public transportation hasn't improved much.
 b. The city has grown rapidly in the last decade.
 c. New shopping centers, apartments, and parks have been built.
 d. Actually, traffic congestion has also become a serious problem.
 e. This is mainly due to the lack of sufficient infrastructure to handle the growing number of residents.

A. b-c-d-a-e

B. b-c-e-a-d

C. b-d-c-e-a

D. b-c-

a-d-e

Đánh dấu chữ cái A, B, C hoặc D trên phiếu trả lời của bạn để chỉ ra cách sắp xếp các phát biểu hoặc câu sao cho tạo thành một cuộc trao đổi hoặc văn bản có ý nghĩa trong mỗi câu hỏi sau từ câu 13 đến câu 17.

Câu hỏi 13. a. Tom: Xin chào, Linda! Lâu rồi không gặp. Dạo này bạn làm gì?

b. Tom: Wow, tuyệt quá! Có dự án lớn nào sắp tới không?

c. Linda: Xin chào Tom! Tôi đang làm việc trên một ứng dụng mới với nhóm của tôi tại nơi làm việc.

A. b-a-c

B. a-c-b

C. c-a-b

D. a-b-c

Câu hỏi 14. a. Mia: Tôi thực sự háo hức cho chuyến đi vào tháng tới!

b. Lisa: Đồ ăn ở đó tuyệt lắm! Bạn sẽ thích nó.

c. Lisa: Chắc chắn rồi! Bạn mong đợi điều gì nhất?

d. Mia: Tôi rất mong được ngắm bãi biển và thử đồ ăn địa phương.

e. Mia: Tôi chắc chắn sẽ làm vậy. Còn bạn thì sao?

A. a-b-c-e-d

B. a-c-d-b-e

C. a-c-d-b-e

D. a-d-b-c-

e

Câu hỏi 15. Xin chào Daniel,

a. Bạn thực sự đã giúp tôi tập trung vào việc cải thiện kỹ năng viết của mình.

b. Cảm ơn rất nhiều vì những lời khuyên bạn đã cho tôi trong buổi học cuối cùng của chúng ta.

c. Thật là thử thách, nhưng giờ tôi cảm thấy tự tin hơn nhiều.

d. Tuy nhiên, tôi vẫn cần luyện tập thêm, đặc biệt là về ngữ pháp.

e. Hy vọng chúng ta có thể sớm gặp lại nhau trong một buổi học khác!

Thân ái,

Laura

A. b-a-d-c-e

B. b-c-a-d-e

C. b-a-c-d-e

D. a-b-c-

e-d

Câu hỏi 16. a. Tôi cũng thích sự linh hoạt khi làm việc ở bất cứ đâu.

b. Trong năm qua, tôi đã khám phá ra rằng làm việc từ xa rất phù hợp với tôi.

c. Nó cho phép tôi cân bằng cuộc sống cá nhân trong khi vẫn duy trì năng suất làm việc.

d. Ngoài ra, nó rất tuyệt vời để giảm thời gian đi lại và chi phí của tôi.

e. Nhìn chung, tôi thấy đây là một trải nghiệm rất bổ ích.

A. b-a-d-c-e

B. a-b-c-d-e

C. b-c-a-d-e

D. b-a-c-e-d

Câu 17. a. Mặc dù dân số tăng nhưng giao thông công cộng vẫn chưa được cải thiện nhiều.

b. Thành phố đã phát triển nhanh chóng trong thập kỷ qua.

c. Các trung tâm mua sắm, căn hộ và công viên mới đã được xây dựng.

d. Trên thực tế, tình trạng tắc nghẽn giao thông cũng đã trở thành một vấn đề nghiêm trọng.

e. Nguyên nhân chủ yếu là do thiếu cơ sở hạ tầng đủ để xử lý số lượng cư dân ngày càng tăng.

A. b-c-d-a-e

B. b-c-e-a-d

C. b-d-c-e-a

D. b-c-

a-d-e

Read the following passage about artificial intelligence and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 18 to 22.

Artificial intelligence (AI) has rapidly evolved from a theoretical concept to a practical reality, reshaping industries and societies worldwide. Its potential to revolutionize various sectors is immense. (18) **This technology has the potential to revolutionize countless industries.** From self-driving cars to medical diagnostics, AI is making significant strides. One of the most promising applications of AI lies in the realm of healthcare. AI-powered systems can analyze vast amounts of medical data, identifying patterns and trends that may escape human detection. (19) **All of the above**. This can lead to earlier and more accurate diagnoses, as well as personalized treatment plans.

Beyond healthcare, AI is also transforming the workplace. AI-powered automation can streamline routine tasks, freeing up human workers to focus on higher-level cognitive functions. (20) **All of the above.** Additionally, AI-driven insights can enhance decision-making processes across various industries.

However, the rapid advancement of AI also raises ethical concerns. As AI systems become increasingly sophisticated, it is imperative to consider the ethical implications of their development and deployment. (21) **All of the above**. For instance, bias in training data can lead to biased AI systems, perpetuating societal inequalities.

To harness the full potential of AI while mitigating its risks, a multi-faceted approach is necessary. (22) **Therefore, it is essential to approach AI with caution and foresight**. By fostering responsible AI development, promoting transparency, and establishing ethical guidelines, we can ensure that AI benefits humanity as a whole.

Question 18. A. However, AI is still in its early stages of development.

B. This technology has the potential to revolutionize countless industries.

C. Despite its benefits, AI also poses significant risks.

D. AI is a complex and multifaceted field.

Question 19. A. AI can also be used to develop personalized treatment plans.

B. AI-powered systems can also be used to predict disease outbreaks.

C. AI can also be used to improve the efficiency of healthcare delivery.

D. All of the above.

Question 20. A. AI-powered tools can also be used to enhance creativity and innovation.

B. AI-powered tools can also be used to improve decision-making.

C. AI-powered tools can also be used to automate customer service.

D. All of the above.

Question 21. A. It is essential to develop ethical guidelines for AI development and deployment.

B. It is important to ensure that AI systems are transparent and accountable.

C. It is necessary to educate the public about the potential benefits and risks of AI.

D. All of the above.

Question 22. A. In conclusion, AI is a powerful tool that can be used for good or evil.

B. Therefore, it is essential to approach AI with caution and foresight.

C. However, we should not fear AI but embrace its potential.

D. As a result, we must invest in AI research and development.

Đọc đoạn văn sau về trí tuệ nhân tạo và đánh dấu chữ cái A, B, C hoặc D trên phiếu trả lời của bạn để chỉ ra phương án phù hợp nhất với mỗi chỗ trống được đánh số từ 18 đến 22.

Trí tuệ nhân tạo (AI) đã nhanh chóng phát triển từ một khái niệm lý thuyết thành hiện thực thực tế, định hình lại các ngành công nghiệp và xã hội trên toàn thế giới. Tiềm năng cách mạng hóa nhiều lĩnh vực của nó là vô cùng lớn. (18) **Công nghệ này có tiềm năng**

cách mạng hóa vô số ngành công nghiệp. Từ xe tự lái đến chẩn đoán y tế, AI đang có những bước tiến đáng kể.

Một trong những ứng dụng đầy hứa hẹn nhất của AI nằm trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe. Các hệ thống được hỗ trợ bởi AI có thể phân tích lượng lớn dữ liệu y tế, xác định các mô hình và xu hướng có thể thoát khỏi sự phát hiện của con người. (19) **Tất cả những điều trên.** Điều này có thể dẫn đến chẩn đoán sớm hơn và chính xác hơn, cũng như kế hoạch điều trị được cá nhân hóa.

Ngoài chăm sóc sức khỏe, AI cũng đang chuyển đổi nơi làm việc. Tự động hóa được hỗ trợ bởi AI có thể hợp lý hóa các nhiệm vụ thường lệ, giải phóng người lao động để tập trung vào các chức năng nhận thức cấp cao hơn. (20) **Tất cả những điều trên.** Ngoài ra, thông tin chi tiết do AI thúc đẩy có thể nâng cao quy trình ra quyết định trong nhiều ngành công nghiệp khác nhau.

Tuy nhiên, sự tiến bộ nhanh chóng của AI cũng làm dấy lên những lo ngại về đạo đức. Khi các hệ thống AI ngày càng tinh vi, việc cân nhắc những tác động về mặt đạo đức của quá trình phát triển và triển khai chúng là điều bắt buộc. (21) **Tất cả những điều trên.** Ví dụ, sự thiên vị trong dữ liệu đào tạo có thể dẫn đến các hệ thống AI thiên vị, làm gia tăng bất bình đẳng trong xã hội.

Để khai thác hết tiềm năng của AI trong khi giảm thiểu rủi ro của nó, cần có một cách tiếp cận đa diện. (22) **Do đó, điều cần thiết là phải tiếp cận AI một cách thận trọng và có tầm nhìn xa.** Bằng cách thúc đẩy sự phát triển AI có trách nhiệm, thúc đẩy tính minh bạch và thiết lập các nguyên tắc đạo đức, chúng ta có thể đảm bảo rằng AI mang lại lợi ích cho toàn thể nhân loại.

Câu hỏi 18. A. Tuy nhiên, AI vẫn đang trong giai đoạn đầu phát triển.

B. Công nghệ này có tiềm năng làm thay đổi vô số ngành công nghiệp.

C. Bên cạnh những lợi ích, AI cũng gây ra những rủi ro đáng kể.

D. AI là một lĩnh vực phức tạp và đa diện.

Câu hỏi 19. A. AI cũng có thể được sử dụng để phát triển các kế hoạch điều trị cá nhân hóa.

B. Các hệ thống hỗ trợ AI cũng có thể được sử dụng để dự đoán sự bùng phát dịch bệnh.

C. AI cũng có thể được sử dụng để cải thiện hiệu quả cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

D. Tất cả các câu trên.

Câu hỏi 20. A. Các công cụ hỗ trợ AI cũng có thể được sử dụng để tăng cường khả năng sáng tạo và đổi mới.

B. Các công cụ hỗ trợ AI cũng có thể được sử dụng để cải thiện việc ra quyết định.

C. Các công cụ hỗ trợ AI cũng có thể được sử dụng để tự động hóa dịch vụ khách hàng.

D. Tất cả các câu trên.

Câu hỏi 21. A. Việc xây dựng các nguyên tắc đạo đức cho việc phát triển và triển khai AI là điều cần thiết.

B. Điều quan trọng là phải đảm bảo rằng các hệ thống AI minh bạch và có trách nhiệm.

C. Cần phải giáo dục công chúng về những lợi ích và rủi ro tiềm ẩn của AI.

D. Tất cả những điều trên.

Câu hỏi 22. A. Tóm lại, AI là một công cụ mạnh mẽ có thể được sử dụng cho mục đích tốt hoặc xấu .

B. Do đó, điều cần thiết là phải tiếp cận AI một cách thận trọng và có tầm nhìn xa.

C. Tuy nhiên, chúng ta không nên sợ AI mà hãy nắm bắt tiềm năng của nó.

D. Do đó, chúng ta phải đầu tư vào nghiên cứu và phát triển AI.

Read the following passage about wildlife conservation and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions from 23 to 30.

Wildlife conservation is a crucial endeavor that aims to protect animal species and their habitats. This effort is essential for maintaining biodiversity and ensuring the health of our ecosystems. Human activities such as deforestation, pollution, and climate change are some of the primary threats to wildlife. Conservation initiatives strive to mitigate these impacts through various strategies.

One significant aspect of wildlife conservation is the establishment of protected areas. National parks, wildlife reserves, and marine protected areas are created to provide safe havens for endangered species. These areas not only protect wildlife but also offer opportunities for scientific research and eco-tourism, which can benefit local economies. Another important approach is the reintroduction of species into their natural habitats. This method has been successful in bringing several species back from the brink of extinction. Conservationists carefully monitor and support these reintroduced populations to ensure their survival.

Education and awareness campaigns play a pivotal role in wildlife conservation as well. By educating the public about the importance of biodiversity and the threats facing wildlife, these campaigns foster a sense of responsibility and encourage community involvement in conservation efforts.

Technological advancements are also aiding conservation efforts. Innovations such as satellite tracking, DNA analysis, and drone surveillance help researchers gather critical data and monitor wildlife populations more effectively. These tools enable more informed decision-making and efficient conservation strategies.

Question 23. Which of the following is NOT mentioned as a threat to wildlife?

A. Deforestation B. Pollution C. Climate change **D. Urbanization**

Question 24. The word "establishment" in paragraph 2 is closest in meaning to:

A. creation B. destruction C. preservation D. alteration

Question 25. The word "their" in paragraph 3 refers to:

A. natural habitats B. conservationists C. reintroduced populations **D. species**

Question 26. The word "pivotal" in paragraph 4 could be best replaced by:

A. trivial **B. crucial** C. secondary D. irrelevant

Question

27. Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 5?

A. Technological advancements hinder conservation efforts.

B. There is no alternative to technology in saving wildlife.

C. Technology could be another way to aid conservation efforts.

D. Technology should be the only focus in wildlife conservation.

Question 28. Which of the following is TRUE according to the passage?

A. Only national parks can protect endangered species.

B. Reintroduction of species has never been successful.

C. Education campaigns foster community involvement.

D. Technological advancements are irrelevant to conservation.

Question 29. In which paragraph does the writer mention a present causal relationship?

A. Paragraph 1 B. Paragraph 2 C. Paragraph 3 D. Paragraph 4

Question 30. In which paragraph does the writer explore modern methods for maintaining endangered species?

A. Paragraph 1 B. Paragraph 2 C. Paragraph 3 D. Paragraph 5

Đọc đoạn văn sau về bảo tồn động vật hoang dã và đánh dấu chữ cái A, B, C hoặc D trên phiếu trả lời để chỉ ra câu trả lời tốt nhất cho mỗi câu hỏi sau từ 23 đến 30.

Bảo tồn động vật hoang dã là một nỗ lực quan trọng nhằm bảo vệ các loài động vật và môi trường sống của chúng. Nỗ lực này rất cần thiết để duy trì đa dạng sinh học và đảm bảo sức khỏe cho hệ sinh thái của chúng ta. Các hoạt động của con người như phá rừng, ô nhiễm và biến đổi khí hậu là một số mối đe dọa chính đối với động vật hoang dã. Các sáng kiến bảo tồn nỗ lực giảm thiểu những tác động này thông qua nhiều chiến lược khác nhau.

Một khía cạnh quan trọng của bảo tồn động vật hoang dã là việc **thành lập** các khu bảo tồn. Các công viên quốc gia, khu bảo tồn động vật hoang dã và khu bảo tồn biển được tạo ra để cung cấp nơi trú ẩn an toàn cho các loài có nguy cơ tuyệt chủng. Những khu vực này không chỉ bảo vệ động vật hoang dã mà còn mang lại cơ hội cho nghiên cứu khoa học và du lịch sinh thái, có thể mang lại lợi ích cho nền kinh tế địa phương.

Một cách tiếp cận quan trọng khác là đưa các loài trở lại môi trường sống tự nhiên của chúng. Phương pháp này đã thành công trong việc đưa một số loài trở lại từ bờ vực tuyệt chủng. Các nhà bảo tồn theo dõi và hỗ trợ cẩn thận các quần thể được tái du nhập này để đảm bảo sự sống còn **của chúng**.

Các chiến dịch giáo dục và nâng cao nhận thức cũng đóng vai trò **then chốt** trong việc bảo tồn động vật hoang dã. Bằng cách giáo dục công chúng về tầm quan trọng của đa dạng sinh học và các mối đe dọa mà động vật hoang dã phải đối mặt, các chiến dịch này thúc đẩy ý thức trách nhiệm và khuyến khích cộng đồng tham gia vào các nỗ lực bảo tồn. Những tiến bộ công nghệ cũng hỗ trợ các nỗ lực bảo tồn. Những cải tiến như theo dõi vệ tinh, phân tích DNA và giám sát bằng máy bay không người lái giúp các nhà nghiên cứu thu thập dữ liệu quan trọng và giám sát quần thể động vật hoang dã hiệu quả hơn. Những công cụ này cho phép đưa ra quyết định sáng suốt hơn và các chiến lược bảo tồn hiệu quả.

Câu hỏi 23. Câu nào sau đây KHÔNG được đề cập đến như là mối đe dọa đối với động vật hoang dã ?

A. Phá rừng B. Ô nhiễm C. Biến đổi khí hậu D. Đô thị hóa

Câu hỏi 24. Từ "**thành lập**" ở đoạn 2 có nghĩa gần nhất với:

A. sáng tạo B. sự phá hủy C. sự bảo tồn D. sự thay đổi

Câu hỏi 25. Từ "**t heir**" ở đoạn 3 đề cập đến :

A. môi trường sống tự nhiên B. nhà bảo tồn C. quần thể được tái du nhập D. loài

Câu hỏi 26. Từ "**pivot**" trong đoạn 4 có thể được thay thế tốt nhất bằng:

A. tầm thường B. quan trọng C. thứ cấp D. không liên quan

Câu hỏi 27. Câu nào sau đây diễn giải đúng nhất câu được gạch chân ở đoạn 5 ?

A. Những tiến bộ về công nghệ cản trở nỗ lực bảo tồn.

B. Không có giải pháp nào thay thế công nghệ để cứu động vật hoang dã.

C. Công nghệ có thể là một cách khác để hỗ trợ các nỗ lực bảo tồn.

D. Công nghệ phải là trọng tâm duy nhất trong việc bảo tồn động vật hoang dã.

Câu hỏi 28. Theo đoạn văn, câu nào sau đây là ĐÚNG ?

A. Chỉ có các công viên quốc gia mới có thể bảo vệ các loài có nguy cơ tuyệt chủng.

B. Việc tái du nhập các loài chưa bao giờ thành công.

C. Các chiến dịch giáo dục thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng.

D. Những tiến bộ công nghệ không liên quan đến việc bảo tồn.

Câu hỏi 29. Trong đoạn văn nào tác giả đề cập đến mối quan hệ nhân quả hiện tại ?

A. Đoạn 1 B. Đoạn 2 C. Đoạn 3 D. Đoạn 4

Câu hỏi 30. Trong đoạn văn nào, tác giả đề cập đến các phương pháp hiện đại để bảo tồn các loài có nguy cơ tuyệt chủng?

A. Đoạn 1 B. Đoạn 2 C. Đoạn 3 D. Đoạn 5

Read the following passage about climate change and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions from 31 to 40.

[I] Climate change is one of the most pressing challenges of our time, affecting ecosystems, biodiversity, and human communities across the globe. [II] Scientists warn that unless greenhouse gas emissions are significantly reduced, the Earth's climate may experience irreversible damage. [III] The consequences of climate change are widespread, impacting weather patterns, agricultural productivity, and health conditions worldwide. [IV]

One of the primary causes of climate change is the burning of fossil fuels, such as coal, oil, and gas, which releases large amounts of carbon dioxide (CO₂) into the atmosphere. This gas traps heat, leading to a rise in global temperatures, a phenomenon known as global warming. Another major contributor is deforestation, as trees play a critical role in absorbing CO₂. When forests are destroyed, that CO₂ is released, adding to the atmosphere's greenhouse effect.

The impacts of climate change are already evident in various forms. Rising sea levels are causing coastal erosion and increasing the frequency of flooding, which endangers millions living in low-lying areas. Additionally, extreme weather events like hurricanes, droughts, and heatwaves are becoming more common and severe. These events not only damage infrastructure but also pose serious risks to human health and food security.

Addressing climate change requires a collaborative, global response. Many governments have joined international agreements, like the Paris Agreement, aiming to limit global temperature rise and reduce emissions. However, it is crucial for individuals and businesses to also play a part by reducing their carbon footprint through actions such as conserving energy, reducing waste, and supporting renewable energy sources.

(Adapted from "Climate and Human Impact")

Question 31. Where in paragraph I does the following sentence best fit?

Rapid industrial development and population growth have accelerated the accumulation of greenhouse gases.

A. [I] B. [II] C. [III] D. [IV]

Question 32. The phrase "traps heat" in paragraph 2 could be best replaced by ____.

A. absorbs energy B. lets out warmth
C. reduces temperature D. blocks sunlight

Question 33. The word "their" in paragraph 4 refers to ____.

- A. deforestation
C. fossil fuel combustion

B. individuals and businesses

D. greenhouse gases

Question 34. According to paragraph 2, which of the following is NOT a cause of climate change?

- A. burning fossil fuels
C. deforestation

B. rising sea levels

D. increased CO₂ levels

Question 35. Which of the following best summarizes paragraph 3?

- A. The rising sea levels threaten coastlines and biodiversity.
C. Increased CO₂ levels lead to more frequent weather disasters.
D. Global warming affects agriculture, health, and living conditions.

Question 36. The word "evident" in paragraph 3 is CLOSEST in meaning to ____.

- A. essential
C. noticeable

B. unforgettable

D. severe

Question 37. Which of the following is TRUE according to the passage?

- A. Industrialization has decreased the rate of greenhouse gas emissions.
B. Only governments can effectively reduce climate change effects.
C. Extreme weather events are becoming more frequent due to climate change.
D. Climate change impacts are limited to environmental issues.

Question 38. Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 4?

- A. An effective solution to climate change must involve collective efforts.
B. Limiting global warming will require individuals to take immediate action.
C. All people should participate in international climate agreements.
D. Each country must independently work on climate change solutions.

Question 39. Which of the following can be inferred from the passage?

- A. Deforestation may be more impactful than fossil fuels in causing climate change.
B. Without significant reductions in emissions, climate change consequences could become irreversible.
C. Coastal erosion primarily affects rural areas rather than urban areas.
D. Fossil fuel use is the sole reason for the current global warming trend.

Question 40. Which of the following best summarizes the passage?

- A. The increase in greenhouse gases, driven by industrial growth, is causing significant environmental challenges, calling for a cooperative global response.
B. Fossil fuels and deforestation are key causes of climate change, which governments can only address through international agreements.
C. The Paris Agreement aims to limit global warming by encouraging businesses to switch to renewable energy sources.
D. Climate change impacts are mostly related to the natural environment, with minimal effects on human communities and health.

Đọc đoạn văn sau về biến đổi khí hậu và đánh dấu chữ cái A, B, C hoặc D trên phiếu trả lời để chỉ ra câu trả lời tốt nhất cho mỗi câu hỏi sau từ câu 31 đến câu 40.

- [I] Biến đổi khí hậu là một trong những thách thức cấp bách nhất của thời đại chúng ta, ảnh hưởng đến các hệ sinh thái, đa dạng sinh học và cộng đồng loài người trên toàn cầu.
[II] Các nhà khoa học cảnh báo rằng nếu không giảm đáng kể lượng khí thải nhà kính, khí hậu Trái đất có thể bị thiệt hại không thể đảo ngược. [III] Hậu quả của biến đổi khí

hậu là rất rộng rãi, tác động đến các kiểu thời tiết, năng suất nông nghiệp và tình trạng sức khỏe trên toàn thế giới. [IV]

Một trong những nguyên nhân chính gây ra biến đổi khí hậu là việc đốt nhiên liệu hóa thạch, chẳng hạn như than, dầu và khí đốt, thải ra một lượng lớn carbon dioxide (CO₂) vào khí quyển. Khí này **giữ nhiệt**, dẫn đến nhiệt độ toàn cầu tăng lên, một hiện tượng được gọi là sự nóng lên toàn cầu. Một nguyên nhân chính khác là nạn phá rừng, vì cây đóng vai trò quan trọng trong việc hấp thụ CO₂. Khi rừng bị phá hủy, CO₂ đó được giải phóng, làm tăng hiệu ứng nhà kính của khí quyển.

Tác động của biến đổi khí hậu đã **rõ ràng** dưới nhiều hình thức khác nhau. Mực nước biển dâng cao đang gây ra xói mòn bờ biển và tăng tần suất lũ lụt, gây nguy hiểm cho hàng triệu người sống ở các vùng trũng thấp. Ngoài ra, các sự kiện thời tiết khắc nghiệt như bão, hạn hán và nắng nóng đang trở nên phổ biến và nghiêm trọng hơn. Những sự kiện này không chỉ gây thiệt hại cho cơ sở hạ tầng mà còn gây ra rủi ro nghiêm trọng cho sức khỏe con người và an ninh lương thực.

Giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu đòi hỏi một phản ứng toàn cầu, mang tính hợp tác. Nhiều chính phủ đã tham gia các thỏa thuận quốc tế, như Thỏa thuận Paris, nhằm hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu và giảm phát thải. Tuy nhiên, điều quan trọng là các cá nhân và doanh nghiệp cũng phải đóng góp một phần bằng cách giảm lượng **khí** thải carbon thông qua các hành động như bảo tồn năng lượng, giảm chất thải và hỗ trợ các nguồn năng lượng tái tạo.

(Trích từ “Khí hậu và tác động của con người”)

Câu hỏi 31. Câu sau đây phù hợp nhất ở vị trí nào trong đoạn I?

Sự phát triển công nghiệp nhanh chóng và gia tăng dân số đã đẩy nhanh quá trình tích tụ khí nhà kính.

- A. [I] B. [II] C. [III] D. [IV]

Câu hỏi 32. Cụm từ “**giữ nhiệt**” ở đoạn 2 có thể được thay thế tốt nhất bằng ____.

- A. **hấp thụ năng lượng** B. tỏa nhiệt
C. giảm nhiệt độ D. chặn ánh sáng mặt trời

Câu hỏi 33. Từ “**their**” ở đoạn 4 đề cập đến ____.

- A. nạn phá rừng B. **cá nhân và doanh nghiệp**
C. đốt nhiên liệu hóa thạch D. khí nhà kính

Câu hỏi 34. Theo đoạn 2, điều nào sau đây KHÔNG phải là nguyên nhân gây ra biến đổi khí hậu?

- A. đốt nhiên liệu hóa thạch B. **mực nước biển dâng cao**
C. nạn phá rừng D. nồng độ CO₂ tăng

Câu hỏi 35. Câu nào sau đây tóm tắt tốt nhất đoạn 3?

- A. Mực nước biển dâng cao đe dọa bờ biển và đa dạng sinh học.
B. **Biến đổi khí hậu đang tạo ra những thách thức về môi trường và sức khỏe con người.**
C. Nồng độ CO₂ tăng dẫn đến các thảm họa thời tiết thường xuyên hơn. D. Sự nóng lên toàn cầu ảnh hưởng đến nông nghiệp, sức khỏe và điều kiện sống.

Câu hỏi 36. Từ “**display**” ở đoạn 3 có nghĩa GẦN NHẤT với ____.

- A. thiết yếu B. không thể quên
C. **đáng chú ý** D. nghiêm trọng

Câu hỏi 37. Theo đoạn văn, câu nào sau đây là ĐÚNG?

- A. Công nghiệp hóa đã làm giảm tỷ lệ phát thải khí nhà kính.
B. Chỉ có chính phủ mới có thể giảm hiệu quả tác động của biến đổi khí hậu.

C. Các sự kiện thời tiết cực đoan đang trở nên thường xuyên hơn do biến đổi khí hậu.

D. Tác động của biến đổi khí hậu chỉ giới hạn ở các vấn đề môi trường.

Câu hỏi 38. Câu nào sau đây diễn giải đúng nhất câu được gạch chân ở đoạn 4?

A. Một giải pháp hiệu quả cho biến đổi khí hậu phải bao gồm những nỗ lực tập thể.

B. Việc hạn chế sự nóng lên toàn cầu sẽ đòi hỏi các cá nhân phải hành động ngay lập tức.

C. Tất cả mọi người nên tham gia vào các thỏa thuận khí hậu quốc tế. D. Mỗi quốc gia phải độc lập làm việc về các giải pháp cho biến đổi khí hậu.

Câu hỏi 39. Có thể suy ra điều nào sau đây từ đoạn văn?

A. Việc phá rừng có thể có tác động lớn hơn nhiên liệu hóa thạch trong việc gây ra biến đổi khí hậu.

B. Nếu không giảm đáng kể lượng khí thải, hậu quả của biến đổi khí hậu có thể trở nên không thể đảo ngược.

C. Xói mòn bờ biển chủ yếu ảnh hưởng đến các vùng nông thôn hơn là các vùng thành thị.

D. Việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch là lý do duy nhất gây ra xu hướng nóng lên toàn cầu hiện nay.

Câu hỏi 40. Câu nào sau đây tóm tắt tốt nhất đoạn văn này?

A. Sự gia tăng khí nhà kính, do tăng trưởng công nghiệp, đang gây ra những thách thức đáng kể về môi trường, đòi hỏi một phản ứng toàn cầu hợp tác.

B. Nhiên liệu hóa thạch và nạn phá rừng là nguyên nhân chính gây ra biến đổi khí hậu, mà các chính phủ chỉ có thể giải quyết thông qua các thỏa thuận quốc tế.

C. Thỏa thuận Paris nhằm mục đích hạn chế sự nóng lên toàn cầu bằng cách khuyến khích các doanh nghiệp chuyển sang các nguồn năng lượng tái tạo.

D. Tác động của biến đổi khí hậu chủ yếu liên quan đến môi trường tự nhiên, với tác động tối thiểu đến cộng đồng con người và sức khỏe.

-----HẾT-----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu.

- Giám thị không giải thích gì thêm.